

# **Công ty Cổ phần Kinh Đô**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2015

# Công ty Cổ phần Kinh Đô

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 39

# Công ty Cổ phần Kinh Đô

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kinh Đô ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103001184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2002 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("CNDKKD") điều chỉnh sau đây:

Giấy CNDKKD điều chỉnh:

Ngày:

Số 4103001184

Điều chỉnh lần thứ nhất	26 tháng 11 năm 2002
Điều chỉnh lần thứ hai	22 tháng 9 năm 2003
Điều chỉnh lần thứ ba	11 tháng 12 năm 2003
Điều chỉnh lần thứ tư	3 tháng 8 năm 2004
Điều chỉnh lần thứ năm	7 tháng 10 năm 2004
Điều chỉnh lần thứ sáu	11 tháng 5 năm 2005
Điều chỉnh lần thứ bảy	18 tháng 5 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ tám	6 tháng 7 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ chín	6 tháng 11 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ mười	10 tháng 10 năm 2008

Số 0302705302

Điều chỉnh lần thứ mười một	21 tháng 1 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười hai	1 tháng 11 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười ba	26 tháng 3 năm 2011
Điều chỉnh lần thứ mười bốn	2 tháng 3 năm 2012
Điều chỉnh lần thứ mười lăm	23 tháng 11 năm 2012
Điều chỉnh lần thứ mười sáu	21 tháng 3 năm 2013
Điều chỉnh lần thứ mười bảy	2 tháng 4 năm 2013
Điều chỉnh lần thứ mười tám	18 tháng 11 năm 2013
Điều chỉnh lần thứ mười chín	26 tháng 2 năm 2015

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2005.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là bán buôn thực phẩm và mua bán nông sản thực phẩm, công nghệ phẩm và vải sợi.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Kim Thành	Chủ tịch
Ông Trần Lệ Nguyên	Phó Chủ tịch
Ông Wang Ching Hua	Thành viên
Bà Vương Bửu Linh	Thành viên
Bà Vương Ngọc Xiêm	Thành viên
Ông Trần Quốc Nguyên	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thuận	Thành viên
Ông Nguyễn Gia Huy Chương	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Trí	Thành viên

# Công ty Cổ phần Kinh Đô

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lương Quang Hiến	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2015
Ông Lê Cao Thuận	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2015
Bà Lương Mỹ Duyên	Thành viên	
Ông Võ Long Nguyên	Thành viên	

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Lệ Nguyên	Tổng Giám đốc
Bà Vương Bửu Linh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Vương Ngọc Xiêm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Wang Ching Hua	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Luân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Xuân Trâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Tiến Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Kelly Yin Hon Wong	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mã Thanh Danh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu	Phó Tổng Giám đốc

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Kim Thành. Ông Trần Lệ Nguyên được Ông Trần Kim Thành ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Kinh Đô

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh Đô ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.


### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty là công ty mẹ có các công ty con ("Tập đoàn") và Công ty đang trong quá trình hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 để có được thông tin đầy đủ và tổng quát về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

  
Trần Lệ Nguyễn  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2015



Building a better  
working world

Ernst & Young Vietnam Limited  
28th Floor, Bifexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252  
Fax: +84 8 3824 5250  
ey.com

Số tham chiếu: 60752643/17794978/LR

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Kinh Đô**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Kinh Đô ("Công ty") được trình bày từ trang 5 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015. Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề này.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Ernest Young Chia Khang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1891-2013-004-1

Đoàn Thị Thu Thủy  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1070-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 8 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>11.034.444.351.849</b>	<b>3.614.796.986.253</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>1.671.442.488.664</b>	<b>2.187.452.484.159</b>
111	1. Tiền		213.830.508.990	403.170.484.159
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.457.611.979.674	1.784.282.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>11.1</b>	<b>848.605.565.221</b>	<b>700.001.268.800</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		4.526.063	4.526.063
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(3.257.263)	(3.257.263)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		848.604.296.421	700.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>8.467.616.186.934</b>	<b>697.583.591.623</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		64.873.543.870	151.270.120.713
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		19.082.794.933	6.714.873.610
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		38.000.000.000	8.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		8.362.946.268.221	542.632.370.513
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(17.286.420.090)	(11.033.773.213)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>6</b>	<b>18.629.290.327</b>	<b>13.452.740.885</b>
141	1. Hàng tồn kho		18.656.781.953	13.709.377.365
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(27.491.626)	(256.636.480)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>28.150.820.703</b>	<b>16.306.900.786</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.840.143.754	4.832.282.926
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		26.248.599.901	11.392.501.955
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		62.077.048	82.115.905
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.468.219.096.316</b>	<b>3.603.617.292.422</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>7</b>	<b>26.119.729.602</b>	<b>33.461.046.522</b>
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		20.754.707.562	20.754.707.562
216	2. Phải thu dài hạn khác		5.365.022.040	12.706.338.960
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>75.319.496.187</b>	<b>63.195.514.217</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	<b>8</b>	49.098.560.204	39.312.909.466
222	Nguyên giá		69.965.973.878	62.750.616.006
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(20.867.413.674)	(23.437.706.540)
227	2. Tài sản cố định vô hình	<b>9</b>	26.220.935.983	23.882.604.751
228	Nguyên giá		39.554.559.141	35.333.059.141
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(13.333.623.158)	(11.450.454.390)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>1.149.649.041</b>	<b>9.360.438.730</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	<b>10</b>	1.149.649.041	9.360.438.730
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>11.2</b>	<b>2.331.334.777.267</b>	<b>3.467.872.279.984</b>
251	1. Đầu tư vào các công ty con		615.231.021.500	1.987.726.680.000
252	2. Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết		1.722.731.684.852	1.471.505.599.984
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.367.000.000	8.640.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(10.994.929.085)	-
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>34.295.444.219</b>	<b>29.728.012.969</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		7.942.208.425	7.712.613.588
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<b>25.3</b>	26.353.235.794	22.015.399.381
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>13.502.663.448.165</b>	<b>7.218.414.278.675</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.953.418.586.019</b>	<b>1.203.146.349.154</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>2.940.321.170.071</b>	<b>1.189.753.464.502</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	32.976.721.642	242.340.233.615
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	5.950.630.170
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.395.898.536.063	7.217.249.969
314	4. Phải trả người lao động		2.424.556.043	18.094.319.326
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	278.750.488.853	125.264.623.644
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		628.787.879	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	15	125.197.547.324	435.905.752.102
320	8. Vay ngắn hạn	16	1.084.047.778.426	326.230.000.000
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		20.396.753.841	28.750.655.676
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>13.097.415.948</b>	<b>13.392.884.652</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		47.218.796	-
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		13.050.197.152	13.392.884.652
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>10.549.244.862.146</b>	<b>6.015.267.929.521</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>17.1</b>	<b>10.549.244.862.146</b>	<b>6.015.267.929.521</b>
411	1. Vốn cổ phần		2.566.533.970.000	2.566.533.970.000
411a	Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		2.566.533.970.000	2.566.533.970.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.192.083.261.700	3.192.083.261.700
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1.153.477.634.400)	(805.820.383.200)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		51.162.916.267	51.162.916.267
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		16.135.952.841	16.135.952.841
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5.876.806.395.738	995.172.211.913
421a	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		760.011.070.913	442.781.757.884
421b	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		5.116.795.324.825	552.390.454.029
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>13.502.663.448.165</b>	<b>7.218.414.278.675</b>

Trần Minh Nguyệt  
Người lập

Nguyễn Thị Oanh  
Kế toán trưởng

Trần Lê Nguyên  
Tổng Giám đốc


Ngày 27 tháng 8 năm 2015





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
01	1. Doanh thu bán hàng	18.1	114.511.719.888	887.414.976.859
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	(5.903.512.471)	(25.649.498.764)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng	18.1	108.608.207.417	861.765.478.095
11	4. Giá vốn hàng bán	19	(103.063.620.931)	(739.643.482.325)
20	5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng		5.544.586.486	122.121.995.770
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	6.697.121.293.884	197.889.303.113
22	7. Chi phí tài chính	20	(92.945.788.043)	(10.674.343.144)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(9.239.325.661)	(9.255.621.391)
25	8. Chi phí bán hàng	21	(42.109.503.683)	(118.928.459.431)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(61.440.286.351)	(96.461.951.004)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.506.170.302.293	93.946.545.304
31	11. Thu nhập khác	24	8.360.101.157	15.902.426.026
32	12. Chi phí khác	24	(2.983.219.800)	(1.472.411.113)
40	13. Lợi nhuận khác	24	5.376.881.357	14.430.014.913
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.511.547.183.650	108.376.560.217
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(1.399.089.695.238)	(2.065.087.574)
52	16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	25.1	4.337.836.413	(4.313.933.907)
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế		5.116.795.324.825	101.997.538.736

  
Trần Minh Nguyệt  
Người lập

  
Nguyễn Thị Oanh  
Kế toán trưởng

  
Trần Lệ Nguyễn  
Tổng Giám đốc



Ngày 27 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>6.511.547.183.650</b>	<b>108.376.560.217</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	8, 9	5.795.165.894	6.960.196.702
03	Các khoản dự phòng		17.018.431.108	1.147.795.607
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	20	8.083.014.005	1.404.805.647
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(6.650.507.087.311)	(198.793.131.040)
06	Chi phí lãi vay	20	9.239.325.661	9.255.621.391
08	<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(98.823.966.993)</b>	<b>(71.648.151.476)</b>
09	Giảm các khoản phải thu		44.645.291.703	93.009.245.157
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(4.701.256.072)	7.799.357.431
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(352.920.616.579)	26.721.129.081
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		3.960.944.866	(14.865.101.261)
14	Tiền lãi vay đã trả		(6.282.160.835)	(9.190.493.385)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	25.2	(8.510.126.058)	(7.070.062.869)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(8.353.901.835)	(3.411.005.030)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(430.985.791.803)</b>	<b>21.344.917.648</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(16.143.949.920)	(6.338.691.672)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		6.015.223.432	954.545.455
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(178.604.296.421)	(986.000.000.000)
24	Tiền thu hồi từ cho vay		-	321.700.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(53.454.851.140)	(500.671.178.339)
26	Tiền (chi) thu từ nghiệp vụ thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(39.760.624.468)	9.300.000.000
27	Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		138.254.971.798	426.339.181.395
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(143.693.526.719)</b>	<b>(734.716.143.161)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	1.820.236.643.412
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu		(517.013.608.200)	-
33	Tiền thu từ đi vay		1.548.581.016.634	-
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(738.478.513.873)	(57.145.454.582)
36	Cổ tức đã trả	17.4	(235.058.622.500)	(166.044.908.400)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>58.030.272.061</b>	<b>1.597.046.280.430</b>
<b>50</b>	<b>(Giảm) tăng tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(516.649.046.461)</b>	<b>883.675.054.917</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>4</b>	<b>2.187.452.484.159</b>	<b>1.779.052.664.793</b>
<b>61</b>	<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>		<b>639.050.966</b>	<b>102.588.531</b>
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>4</b>	<b>1.671.442.488.664</b>	<b>2.662.830.308.241</b>

  
Trần Minh Nguyệt  
Người lập

  
Nguyễn Thị Oanh  
Kế toán trưởng

  
  
Trần Lệ Nguyễn  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Kinh Đô ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103001184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2002 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("CNDKKD") điều chỉnh sau đây:

<u>Giấy CNDKKD điều chỉnh số:</u>	<u>Ngày:</u>
Số 4103001184	
Điều chỉnh lần thứ nhất	26 tháng 11 năm 2002
Điều chỉnh lần thứ hai	22 tháng 9 năm 2003
Điều chỉnh lần thứ ba	11 tháng 12 năm 2003
Điều chỉnh lần thứ tư	3 tháng 8 năm 2004
Điều chỉnh lần thứ năm	7 tháng 10 năm 2004
Điều chỉnh lần thứ sáu	11 tháng 5 năm 2005
Điều chỉnh lần thứ bảy	18 tháng 5 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ tám	6 tháng 7 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ chín	6 tháng 11 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ mười	10 tháng 10 năm 2008
Số 0302705302	
Điều chỉnh lần thứ mười một	21 tháng 1 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười hai	1 tháng 11 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười ba	26 tháng 3 năm 2011
Điều chỉnh lần thứ mười bốn	2 tháng 3 năm 2012
Điều chỉnh lần thứ mười lăm	23 tháng 11 năm 2012
Điều chỉnh lần thứ mười sáu	21 tháng 3 năm 2013
Điều chỉnh lần thứ mười bảy	2 tháng 4 năm 2013
Điều chỉnh lần thứ mười tám	18 tháng 11 năm 2013
Điều chỉnh lần thứ mười chín	26 tháng 2 năm 2015

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2005.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là bán buôn thực phẩm và mua bán nông sản thực phẩm, công nghệ phẩm và vải sợi.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 95 (31 tháng 12 năm 2014 là: 1.301).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 11 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và Công ty đang trong quá trình hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con (“Tập đoàn”) cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 để có được thông tin đầy đủ và tổng quát về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã phân loại lại số liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ này như đã đề cập tại Thuyết minh số 28.

#### 3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho chủ yếu bao gồm nguyên vật liệu và hàng hóa với giá trị được xác định là chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ.

#### 3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ.

#### 3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ khỏi bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

**3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sản xuất.

**3.9 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

**3.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**3.11 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào các công ty con*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh đồng kiểm soát*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh đồng kiểm soát mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết và liên doanh đồng kiểm soát sau ngày đầu tư được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các tổn thất nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.13 Trích lập trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần thay đổi trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VNĐ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.15 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu khi Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận lãi hoặc lỗ khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

*Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

**3.17 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.18 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Tiền mặt	13.945.824	62.369.668
Tiền gửi ngân hàng	213.816.563.166	401.577.114.491
Tiền đang chuyển	-	1.531.000.000
Các khoản tương đương tiền	1.457.611.979.674	1.784.282.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.671.442.488.664</b>	<b>2.187.452.484.159</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng với kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng lãi suất dao động từ 4,7% đến 6,0% một năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

	30 tháng 6 năm 2015	VNĐ 31 tháng 12 năm 2014
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>64.873.543.870</b>	<b>151.270.120.713</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>		
<i>Công ty TNHH Dịch vụ EB</i>	53.530.791.956	90.050.824.055
<i>Liên Hiệp HTX Thương Mại TP.HCM</i>	4.147.385.433	5.446.825.309
<i>Phải thu từ khách hàng khác</i>	2.248.203.833	14.474.051.685
	4.947.162.648	41.298.419.664
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>19.082.794.933</b>	<b>6.714.873.610</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>		
<i>Công ty TNHH VSIP Bắc Ninh</i>	8.613.208.525	5.000.000.000
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	9.120.300.000	-
	1.349.286.408	1.714.873.610
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	<b>38.000.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>		
<i>Cho vay ngắn hạn khác</i>	30.000.000.000	-
	8.000.000.000	8.000.000.000
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>8.362.946.268.221</b>	<b>542.632.370.513</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>		
<i>Phải thu từ việc bán khoản đầu tư vào công ty con (*)</i>	187.440.859.869	7.156.521.210
<i>Tạm ứng để đầu tư vào Vocarimex (**)</i>	7.613.129.636.486	-
<i>Tạm ứng cho dịch vụ tư vấn tái cấu trúc và đầu tư</i>	467.750.573.417	467.750.573.417
<i>Lãi tiền gửi phải thu</i>	62.207.333.794	29.604.096.321
<i>Phải thu khác</i>	23.569.698.931	28.713.004.976
	8.848.165.724	9.408.174.589
<b>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>(17.286.420.090)</b>	<b>(11.033.773.213)</b>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>8.467.616.186.934</b>	<b>697.583.591.623</b>

(\*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng 79,92% vốn cổ phần tại Công ty Cổ phần Kinh Đô Bình Dương cho Cadbury Enterprises Pte. Ltd. như đã được chấp thuận của các cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Bất thường (“ĐHĐCĐBT”) năm 2014 ngày 1 tháng 12 năm 2014. Số dư cuối kỳ thể hiện khoản phải thu cho việc chuyển nhượng nói trên. Công ty đã nhận đủ số tiền trên vào ngày 15 tháng 7 năm 2015.

(\*\*) Theo Nghị quyết ĐHCĐBT ngày 1 tháng 12 năm 2014, các cổ đông của Công ty đã chấp thuận kế hoạch mua thêm cổ phần của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam (“Vocarimex”) để tăng tỷ lệ sở hữu trong Vocarimex lên trên 51%. Số dư cuối kỳ thể hiện khoản tiền tạm ứng cho việc mua thêm cổ phần của Vocarimex như kế hoạch đã trình bày.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)**

*Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi*

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Số đầu kỳ	11.033.773.213	1.822.516.493
Dự phòng trích lập trong kỳ	17.286.420.090	2.548.960.567
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(11.033.773.213)	(1.822.516.493)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>17.286.420.090</u></b>	<b><u>2.548.960.567</u></b>

**6. HÀNG TỒN KHO**

	VNĐ	
	<i>30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>31 tháng 12 năm 2014</i>
Hàng hóa	12.077.081.714	1.257.942.580
Công cụ, dụng cụ	2.042.187.605	1.479.414.914
Hàng mua đang đi trên đường	909.278.460	3.050.187.875
Hàng gửi đi bán	3.628.234.174	7.921.831.996
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>18.656.781.953</u></b>	<b><u>13.709.377.365</u></b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(27.491.626)	(256.636.480)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>18.629.290.327</u></b>	<b><u>13.452.740.885</u></b>

*Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Số đầu kỳ	256.636.480	1.015.945.864
Dự phòng trích lập trong kỳ	27.491.626	1.437.297.397
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(256.636.480)	(1.015.945.864)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>27.491.626</u></b>	<b><u>1.437.297.397</u></b>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN**

	VNĐ	
	<i>30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>31 tháng 12 năm 2014</i>
Trả trước cho người bán dài hạn		
Trả trước tiền thuê văn phòng cho Công ty TNHH Hoàng Triều	20.754.707.562	20.754.707.562
Phải thu dài hạn khác		
Ký cược, ký quỹ dài hạn khác	5.365.022.040	12.706.338.960
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>26.119.729.602</u></b>	<b><u>33.461.046.522</u></b>

# Công ty Cổ phần Kinh Đô

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
					VNĐ
<b>Nguyên giá</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	2.830.588.944	502.804.975	54.930.885.596	4.486.336.491	62.750.616.006
Tăng trong kỳ	-	673.026.307	10.365.116.182	7.137.986.098	18.176.128.587
<b>Trong đó:</b>					
Mua mới	-	-	10.365.116.182	7.137.986.098	17.503.102.280
Sáp nhập công ty con	-	673.026.307	-	-	673.026.307
Thanh lý	-	(176.200.000)	(7.927.731.711)	(2.856.839.004)	(10.960.770.715)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	2.830.588.944	999.631.282	57.368.270.067	8.767.483.585	69.965.973.878
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	-	-	4.190.915.339	334.876.578	4.525.791.917
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	1.250.176.783	418.168.405	20.427.575.758	1.341.785.594	23.437.706.540
Khấu hao trong kỳ	141.529.447	25.229.422	3.061.891.180	632.569.299	3.861.219.348
Thanh lý	-	(176.200.000)	(5.408.148.765)	(847.163.449)	(6.431.512.214)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	1.391.706.230	267.197.827	18.081.318.173	1.127.191.444	20.867.413.674
<b>Giá trị còn lại</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	1.580.412.161	84.636.570	34.503.309.838	3.144.550.897	39.312.909.466
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	1.438.882.714	732.433.455	39.286.951.894	7.640.292.141	49.098.560.204

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VNĐ
	<i>Phần mềm máy tính</i>
<b>Nguyên giá</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	35.333.059.141
Tăng trong kỳ	4.678.500.000
<i>Trong đó:</i>	
<i>Mua mới</i>	58.500.000
<i>Chuyển từ xây dựng cơ bản</i>	4.620.000.000
Thanh lý	<u>(457.000.000)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>39.554.559.141</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã hao mòn hết</i>	30.900.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	11.450.454.390
Hao mòn trong kỳ	1.933.946.546
Thanh lý	<u>(50.777.778)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>13.333.623.158</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	<u>23.882.604.751</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>26.220.935.983</u>

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VNĐ	
	<i>30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>31 tháng 12 năm 2014</i>
Phát triển phần mềm	<u>1.149.649.041</u>	<u>9.360.438.730</u>

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**11.1. Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<u>30 tháng 6 năm 2015</u>		<u>31 tháng 12 năm 2014</u>	
	<i>Cổ phiếu</i>	<i>Giá trị VNĐ</i>	<i>Cổ phiếu</i>	<i>Giá trị VNĐ</i>
<b>Giá trị thuần của chứng khoán kinh doanh</b>		<b>1.268.800</b>		<b>1.268.800</b>
Cổ phiếu niêm yết	89	4.526.063	89	4.526.063
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(3.257.263)		(3.257.263)
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – Tiền gửi ngắn hạn</b>		<b>848.604.296.421</b>		<b>700.000.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng		728.604.296.421		700.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam		120.000.000.000		-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<u><b>848.605.565.221</b></u>		<u><b>700.001.268.800</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**11.2 Đầu tư tài chính dài hạn**

	VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Đầu tư vào các công ty con (i)	615.231.021.500	1.987.726.680.000
Đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh đồng kiểm soát (ii)	1.722.731.684.852	1.471.505.599.984
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác – Chứng chỉ quỹ của Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	4.367.000.000	8.640.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.342.329.706.352</b>	<b>3.467.872.279.984</b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(10.994.929.085)	-
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>2.331.334.777.267</b>	<b>3.467.872.279.984</b>

(i) Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty con	30 tháng 6 năm 2015		31 tháng 12 năm 2014	
	Vốn đầu tư	%	Vốn đầu tư	%
	VNĐ		VNĐ	
Công ty TNHH Tân An Phước ("TAP")	362.500.000.000	80,00	362.500.000.000	80,00
Công ty TNHH Một thành viên KIDO ("KIDO")	247.559.771.500	100,00	247.559.771.500	100,00
Công ty Thương mại và Hợp tác Quốc tế Hà Nội ("HTIC")	5.171.250.000	75,73	-	-
Công ty Cổ phần Kinh Đô Bình Dương ("KDBD")	-	-	1.255.125.520.000	99,92
Công ty Cổ phần Vinabico ("Vinabico")	-	-	122.541.388.500	100,00
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>615.231.021.500</b>		<b>1.987.726.680.000</b>	

TAP là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy CNĐKKD số 0309403269 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 9 năm 2009. Hoạt động chính của TAP là kinh doanh bất động sản.

KIDO là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy CNĐKKD số 4103001557 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2003 và các Giấy CNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của KIDO là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thực phẩm và nước uống như nước đá, kem, sữa và các sản phẩm từ sữa khác.

HTIC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy CNĐKKD số 0103000347 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 5 năm 2001. Hoạt động chính của HTIC là kinh doanh thương mại các loại đồ ăn và thức uống. Vào ngày 15 tháng 5 năm 2015, Công ty đã mua 75,73% vốn cổ phần tại HTIC từ Công ty TNHH MTV Kinh Đô Miền Bắc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**11.2 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)**

(ii) Đầu tư vào các công ty liên kết và công ty liên doanh đồng kiểm soát

Tên công ty liên kết và liên doanh đồng kiểm soát	30 tháng 6 năm 2015		31 tháng 12 năm 2014	
	Vốn đầu tư	%	Vốn đầu tư	%
	VNĐ		VNĐ	
Công ty Cổ phần Đầu tư Lavenue ("Lavenue")	1.050.000.000.000	50,00	1.050.000.000.000	50,00
Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam ("Vocarimex")	421.505.599.984	24,00	421.505.599.984	24,00
Công ty Cổ phần Kinh Đô Bình Dương ("KDBD")	251.226.084.868	20,00	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.722.731.684.852</b>		<b>1.471.505.599.984</b>	

Lavenue là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy CNĐKKD số 0310306044 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2010. Hoạt động chính của Lavenue là kinh doanh bất động sản.

Vocarimex, trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 452/CN-TCLĐ do Bộ Công nghiệp, (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 6 tháng 6 năm 1992, hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy CNĐKKD số 0300585984 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 12 năm 2014. Hoạt động chính của Vocarimex là sản xuất và kinh doanh dầu mỡ động thực vật, tinh dầu, hương liệu, mỹ phẩm, chất tẩy rửa, than gáo dừa và các sản phẩm từ cây có dầu.

KDBD là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy CNĐKKD số 4603000129 do SKHĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 13 tháng 10 năm 2004. Hoạt động chính của KDBD là chế biến nông sản, thực phẩm; sản xuất bánh kẹo, nước tinh khiết và nước ép trái cây; kinh doanh nông sản, thực phẩm, công nghệ phẩm và vải sợi.

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	17.998.082.163	208.595.461.182
Phải trả người bán ngắn hạn khác	14.978.639.479	33.744.772.433
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>32.976.721.642</b>	<b>242.340.233.615</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31 tháng 12 năm 2014	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp trong kỳ	Sáp nhập công ty con	VNĐ 30 tháng 6 năm 2015
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 25.2)	4.721.240.021	1.399.089.695.238	(8.510.126.058)	(213.820.608)	1.395.086.988.593
Thuế thu nhập cá nhân	2.496.009.948	7.998.972.024	(9.694.785.678)	-	800.196.294
Thuế khác	-	228.763.457	(217.412.281)	-	11.351.176
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.217.249.969</b>	<b>1.407.317.430.719</b>	<b>(18.422.324.017)</b>	<b>(213.820.608)</b>	<b>1.395.898.536.063</b>

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30 tháng 6 năm 2015	VNĐ 31 tháng 12 năm 2014
Chi phí dịch vụ tư vấn tái cấu trúc và đầu tư	187.264.918.500	-
Chi phí tiếp thị	44.205.826.416	38.937.920.841
Thuế do thay đổi mục đích sử dụng đất	34.594.000.000	34.594.000.000
Hoa hồng bán hàng	4.082.323.994	15.019.625.647
Lương tháng 13 và thưởng	4.020.197.255	10.375.380.715
Chi phí lãi vay	3.075.664.826	118.500.000
Chi phí phải trả khác	1.507.557.862	26.219.196.441
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>278.750.488.853</b>	<b>125.264.623.644</b>

**15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30 tháng 6 năm 2015	VNĐ 31 tháng 12 năm 2014
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	118.667.117.064	260.442.754.193
Cổ tức phải trả	1.935.692.580	1.833.174.080
Phải trả cho việc mua cổ phiếu quỹ	-	169.356.357.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.594.737.680	4.273.466.829
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>125.197.547.324</b>	<b>435.905.752.102</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. VAY NGẮN HẠN**

	VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Vay ngắn hạn	<u>1.084.047.778.426</u>	<u>326.230.000.000</u>

Công ty có các khoản vay tín chấp ngắn hạn từ ngân hàng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Số dư cuối kỳ được trình bày như sau:

Bên cho vay	30 tháng 6 năm 2015		Kỳ hạn	Lãi suất %/năm
	VNĐ			
Ngân hàng HSBC	874.400.000.000	6 tháng kể từ ngày rút vốn		3,42
	12.207.778.426	3 tháng kể từ ngày rút vốn		5,90
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	110.000.000.000	6 tháng kể từ ngày rút vốn		2,96
Ngân hàng Thương mại Taipei Fubon	87.440.000.000	6 tháng kể từ ngày rút vốn		3,00
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>1.084.047.778.426</b></u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**17.1 Tính hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VNĐ Tổng cộng
<b>Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>								
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	1.676.282.700.000	2.262.097.888.288	(152.620.395.200)	25.370.280.515	25.792.635.752	16.135.952.841	836.457.785.884	4.689.516.848.080
Phát hành cổ phiếu cho công nhân viên	65.000.000.000	52.000.000.000	-	-	-	-	-	117.000.000.000
Phát hành cổ phiếu để hợp nhất kinh doanh	400.000.000.000	1.303.236.643.412	-	-	-	-	-	1.703.236.643.412
Lợi nhuận thuần sau thuế trong kỳ	-	-	-	-	-	-	101.997.538.736 (166.136.014.000)	101.997.538.736 (166.136.014.000)
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Vào ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>	<b>2.141.282.700.000</b>	<b>3.617.334.531.700</b>	<b>(152.620.395.200)</b>	<b>25.370.280.515</b>	<b>25.792.635.752</b>	<b>16.135.952.841</b>	<b>772.319.310.620</b>	<b>6.445.615.016.228</b>
<b>Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>								
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	2.566.533.970.000	3.192.083.261.700	(805.820.383.200)	25.370.280.515	25.792.635.752	16.135.952.841	995.172.211.913	6.015.267.929.521
(trình bày trước đây) Phân loại lại (Thuyết minh số 28)	-	-	-	25.792.635.752	(25.792.635.752)	-	-	-
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được phân loại lại) Mua cổ phiếu quỹ	2.566.533.970.000	3.192.083.261.700	(805.820.383.200)	51.162.916.267	-	16.135.952.841	995.172.211.913	6.015.267.929.521 (347.657.251.200)
Lợi nhuận thuần sau thuế trong kỳ	-	-	-	-	-	-	5.116.795.324.825 (235.161.141.000)	5.116.795.324.825 (235.161.141.000)
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>	<b>2.566.533.970.000</b>	<b>3.192.083.261.700</b>	<b>(1.153.477.634.400)</b>	<b>51.162.916.267</b>	<b>-</b>	<b>16.135.952.841</b>	<b>5.876.806.395.738</b>	<b>10.549.244.862.146</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**17.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức và lợi nhuận**

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
<b>Vốn cổ phần</b>		
Vốn đầu kỳ	2.566.533.970.000	1.676.282.700.000
Vốn tăng trong kỳ	-	465.000.000.000
Vốn cuối kỳ	<u>2.566.533.970.000</u>	<u>2.141.282.700.000</u>

**17.3 Cổ phiếu**

	30 tháng 6 năm 2015	Số cổ phiếu 31 tháng 12 năm 2014
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	256.653.397	256.653.397
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	256.653.397	256.653.397
Cổ phiếu quỹ	(21.492.256)	(14.468.208)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	235.161.141	242.185.189

**17.4 Cổ tức**

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Cổ tức công bố trong kỳ	235.161.141.000	166.136.014.000
Cổ tức đã trả trong kỳ	235.058.622.500	166.044.908.400

Theo Nghị quyết ĐHCĐBT ngày 12 tháng 3 năm 2015, các cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức đặc biệt bằng tiền mặt cho các cổ đông hiện hữu của Công ty trong năm 2015 tại mức 200% trên mệnh giá của cổ phiếu phổ thông.

Vào ngày 31 tháng 7 năm 2015, Công ty đã nhận được Quyết định số 788/TB-SGDHCM cấp bởi Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp thuận kế hoạch chi trả cổ tức này vào ngày 21 tháng 8 năm 2015.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đang trong quá trình hoàn thiện Báo cáo về việc chi trả cổ tức nêu trên cho Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. DOANH THU**

**18.1 Doanh thu bán hàng**

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>114.511.719.888</b>	<b>887.414.976.859</b>
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>114.511.719.888</i>	<i>887.414.976.859</i>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(5.903.512.471)</b>	<b>(25.649.498.764)</b>
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>(5.049.353.409)</i>	<i>(18.966.350.463)</i>
<i>Chiết khấu thương mại</i>	<i>(854.159.062)</i>	<i>(6.683.148.301)</i>
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b><u>108.608.207.417</u></b>	<b><u>861.765.478.095</u></b>

**18.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	6.359.498.614.719	1.140.000.000
Cổ tức và lợi nhuận được chia	274.909.593.951	140.000.049.700
Lãi cho vay và lãi tiền gửi	58.170.608.098	56.698.535.885
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.542.477.116	50.717.528
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.697.121.293.884</u></b>	<b><u>197.889.303.113</u></b>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán (Hoàn nhập) trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	103.140.414.467	738.186.845.580
Các khoản khác	(229.144.854)	421.351.533
	152.351.318	1.035.285.212
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>103.063.620.931</u></b>	<b><u>739.643.482.325</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Lỗ từ sáp nhập công ty con	43.878.726.766	-
Phí tư vấn tài chính	16.103.996.863	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	10.994.929.085	-
Lãi tiền vay	9.239.325.661	9.255.621.391
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	8.083.014.005	1.404.805.647
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.941.252.948	11.581.455
Chi phí tài chính khác	2.704.542.715	2.334.651
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>92.945.788.043</u></b>	<b><u>10.674.343.144</u></b>

**21. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Quảng cáo và khuyến mãi	34.162.627.260	8.604.362.435
Chi phí mua ngoài	3.841.630.206	66.861.798.876
Khác	4.105.246.217	43.462.298.120
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>42.109.503.683</u></b>	<b><u>118.928.459.431</u></b>

**22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Lương nhân viên	18.972.478.041	40.934.381.794
Dịch vụ mua ngoài	13.690.524.837	21.117.665.767
Phí thuê và bảo trì	12.195.187.962	22.542.684.357
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	6.252.646.877	649.766.574
Khấu hao và hao mòn	5.762.268.518	6.356.953.748
Khác	4.567.180.116	4.860.498.764
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>61.440.286.351</u></b>	<b><u>96.461.951.004</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Chi phí mua hàng hóa	103.292.765.785	739.222.130.792
Chi phí nhân công	22.196.879.970	93.497.136.653
Chi phí khấu hao và khấu trừ (Thuyết minh số 8, 9)	5.795.165.894	6.960.196.702
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.829.081.580	85.144.515.553
Chi phí khác	23.499.517.736	30.209.913.060
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>206.613.410.965</u></b>	<b><u>955.033.892.760</u></b>

**24. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>8.360.101.157</b>	<b>15.902.426.026</b>
Phí chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu	2.712.440.725	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	1.806.997.309	954.545.455
Thu nhập từ phí quản lý	-	11.180.000.000
Thu nhập khác	3.840.663.123	3.767.880.571
<b>Chi phí khác</b>	<b>(2.983.219.800)</b>	<b>(1.472.411.113)</b>
Chi phí nộp phạt	(406.102.373)	(1.158.686.947)
Chi phí khác	(2.577.117.427)	(313.724.166)
<b>LỢI NHUẬN THUẦN</b>	<b><u>5.376.881.357</u></b>	<b><u>14.430.014.913</u></b>

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Trong năm 2015, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 22% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**25.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.399.089.695.238	2.065.087.574
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(4.337.836.413)	4.313.933.907
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.394.751.858.825</u></b>	<b><u>6.379.021.481</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**25.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và thu nhập chịu thuế:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>VNĐ Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>6.511.547.183.650</b>	<b>108.376.560.217</b>
<b>Các điều chỉnh:</b>		
Chi phí không liên quan đến thu nhập chịu thuế	46.129.132.644	14.773.809.623
Dự phòng đầu tư tài chính	10.994.929.085	-
Các khoản chi phí phải trả	10.732.746.654	(6.235.950.114)
Chi phí không được khấu trừ khác	2.076.620.433	3.660.255.236
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(229.144.854)	421.351.533
Dự phòng trợ cấp thôi việc	(342.687.500)	(12.701.256.106)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(397.005.147)	(51.535.800)
Chi phí phân bổ vượt mức	(1.041.400.000)	(1.041.400.000)
Cổ tức nhận được	(274.909.593.951)	(140.000.049.700)
<b>Lợi nhuận (lỗ) tính thuế ước tính trong kỳ hiện hành</b>	<b>6.304.560.781.014</b>	<b>(32.798.215.111)</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Lỗ thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	<i>(54.937.833.705)</i>	<i>(32.798.215.111)</i>
<i>Lợi nhuận tính thuế từ hoạt động chuyển nhượng vốn</i>	<i>6.359.498.614.719</i>	<i>-</i>
<b>Chi phí thuế TNDN ước tính phải nộp</b>	<b>1.399.089.695.238</b>	<b>-</b>
Thuế TNDN trích thiếu các kỳ trước	-	2.065.087.574
<b>Thuế TNDN trong kỳ</b>	<b>1.399.089.695.238</b>	<b>2.065.087.574</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	4.721.240.021	7.070.062.869
Thuế TNDN từ sáp nhập kinh doanh	(213.820.608)	-
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(8.510.126.058)	(7.070.062.869)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>1.395.086.988.593</b>	<b>2.065.087.574</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**25.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận thuế TNDN hoãn lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	VNĐ			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</i>	
	<i>30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>31 tháng 12 năm 2014</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Các khoản chi phí phải trả	19.242.382.082	16.881.177.818	2.361.204.264	(1.371.909.025)
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.871.043.373	2.946.434.623	(75.391.250)	(2.794.276.343)
Dự phòng đầu tư tài chính	2.418.884.399	-	2.418.884.399	-
Dự phòng phải thu về cho vay ngắn hạn	1.760.000.000	1.760.000.000	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	6.048.158	56.460.026	(50.411.868)	92.697.337
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(174.230.218)	(86.889.086)	(87.341.132)	(11.337.876)
Chi phí phân bổ vượt mức	229.108.000	458.216.000	(229.108.000)	(229.108.000)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>26.353.235.794</u></b>	<b><u>22.015.399.381</u></b>	<b><u>4.337.836.413</u></b>	<b><u>(4.313.933.907)</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư/nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một tập đoàn.

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
KDBD	Công ty liên kết	Cổ tức Cho vay Trả hộ phí chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu Bán hàng hóa Thu nhập từ thanh lý tài sản Trả lại hàng mua Bán nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ Mua thành phẩm Phí quản lý	114.909.541.851 30.000.000.000	60.000.000.000 -
Công ty TNHH MTV Kinh Đô Miền Bắc	Công ty liên kết	Cổ tức Trả nợ vay Trả hộ phí chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu Phí chia sẻ phát triển phần mềm Lãi vay phải trả Bán nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ Mua thành phẩm Phí quản lý	160.000.000.000 (90.000.000.000) 22.915.071.326 2.732.197.423 (1.786.111.111) 308.468.284 (353.169.485) -	80.000.000.000 (20.000.000.000) 12.698.282.634 -
Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Kido	Công ty con	Bán hàng hóa, công cụ và dụng cụ	86.837.963.800	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô	Công ty liên quan	Phi chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu Thu lại khoản cho vay Cho vay ngắn hạn	(60.815.392.877)	(39.478.605.036) 286.000.000.000 (286.000.000.000)
Vocarimex	Công ty liên kết	Mua hàng hóa và nguyên vật liệu	(39.863.776.380)	-
KIDO	Công ty con	Trả hộ phí chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu Phi chia sẻ phát triển phần mềm Phi thuế và bảo trì Phi quản lý Bán hàng hóa	12.991.402.991 2.678.210.447 1.938.835.152 - 583.273.340	10.836.037.231 - 336.854.832 3.100.000.000 501.324.064
Công ty Cổ phần Địa ốc Kinh Đô	Công ty liên quan	Phi thuế văn phòng	1.000.000.000	-

## Công ty Cổ phần Kinh Đô

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
<b>VND</b>				
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>				
Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Kido	Công ty con	Bán hàng hóa và nguyên vật liệu	36.621.663.709	28.922.860.753
Công ty Cổ phần Thực phẩm Kinh Đô Sài Gòn	Công ty liên quan	Bán hàng hóa,	13.228.605.986	13.868.435.725
Công ty TNHH MTV Kinh Đô Miền Bắc	Công ty liên kết	Phí chia sẻ phát triển phần mềm	2.802.602.926	-
KDBD	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, nguyên vật liệu,	877.919.335	45.706.820.495
Công ty Cổ phần Địa ốc Kinh Đô	Công ty liên quan	công cụ và dụng cụ	-	1.475.506.794
KIDO	Công ty con	Bán hàng hóa	-	77.200.288
			<b>53.530.791.956</b>	<b>90.050.824.055</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô	Công ty liên quan	Phí chuyển quyền	8.613.208.525	5.000.000.000
		sử dụng nhãn hiệu		
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>				
KDBD	Công ty liên kết	Cổ tức	160.000.000.000	-
		Trả hộ phí chuyển quyền	4.508.082.244	-
		sử dụng nhãn hiệu	727.254.600	6.367.907.347
		Thu nhập từ thanh lý tài sản	16.462.654.547	-
		Chi hộ		
		Trả hộ phí chuyển quyền	4.773.011.589	-
		sử dụng nhãn hiệu	448.360.000	-
		Chi hộ	279.387.616	297.866.616
TAP	Công ty con	Chi hộ	222.727.273	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Kinh Đô	Công ty liên quan	Phí thuế văn phòng	19.382.000	489.297.247
Công ty TNHH MTV Kinh Đô Miền Bắc	Công ty liên kết	Chi hộ	-	1.450.000
Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô	Công ty liên quan	Chi hộ	-	
			<b>187.440.859.869</b>	<b>7.156.521.210</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
VND				
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>				
KDBD	Công ty liên kết	Cho vay	30.000.000.000	-
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Vocarimex	Công ty liên kết	Mua hàng hóa và nguyên vật liệu	(17.868.620.330)	-
KDBD	Công ty liên kết	Mua thành phẩm	(117.597.497)	(190.176.770.779)
Công ty Cổ phần Thực phẩm Kinh Đô Sài Gòn	Công ty liên quan	Mua thành phẩm	(9.200.002)	(224.169.003)
KIDO	Công ty con	Mua thành phẩm	(2.664.334)	(59.845.021)
Công ty TNHH MTV Kinh Đô Miền Bắc	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	-	(17.317.659.867)
Công ty TNHH Tong Yuan	Công ty liên quan	Mua bao bì	-	(817.016.512)
			<b>(17.998.082.163)</b>	<b>(208.595.461.182)</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>				
TAP	Công ty con	Giữ hộ vốn góp	(100.000.000.000)	(100.000.000.000)
KDBD	Công ty liên kết	Chi hộ	(18.324.697.620)	(159.876.145.184)
Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Kido	Công ty con	Chi hộ	(273.525.000)	-
Công ty TNHH MTV Kinh Đô Miền Bắc	Công ty liên kết	Chi hộ	(68.894.444)	(566.609.009)
			<b>(118.667.117.064)</b>	<b>(260.442.754.193)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ như sau:

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Lương và các lợi ích khác	<u>9.247.842.500</u>	<u>7.905.950.000</u>

**27. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết thuê hoạt động***

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	<i>30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>31 tháng 12 năm 2014</i>
Dưới 1 năm	16.095.066.120	16.095.066.120
Từ 1 đến 5 năm	64.380.264.480	64.380.264.480
Trên 5 năm	<u>48.285.198.360</u>	<u>55.980.926.696</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>128.760.528.960</u></b>	<b><u>136.456.257.296</u></b>

***Các cam kết góp vốn***

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết với số tiền 87.500.000.000 VNĐ liên quan đến nghĩa vụ góp vốn đầu tư vào các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG**

Một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của kỳ này do việc áp dụng Thông tư 200. Chi tiết như sau:

	VNĐ		
	31 tháng 12 năm 2014 <i>(trình bày trước đây)</i>	Phân loại lại	31 tháng 12 năm 2014 <i>(được phân loại lại)</i>
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG</b>			
Các khoản đầu tư ngắn hạn	708.004.526.063	(708.004.526.063)	-
Chứng khoán kinh doanh	-	4.526.063	4.526.063
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	700.000.000.000	700.000.000.000
Phải thu từ cho vay ngắn hạn	-	8.000.000.000	8.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(8.003.257.263)	8.003.257.263	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	(3.257.263)	(3.257.263)
Dự phòng phải thu khó đòi	(3.033.773.213)	(8.000.000.000)	(11.033.773.213)
Phải thu ngắn hạn khác	541.364.943.169	1.267.427.344	542.632.370.513
Tài sản ngắn hạn khác	1.267.427.344	(1.267.427.344)	-
Trả trước cho người bán	27.469.581.172	(27.469.581.172)	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	6.714.873.610	6.714.873.610
Trả trước cho người bán dài hạn	-	20.754.707.562	20.754.707.562
Phải thu dài hạn khác	-	12.706.338.960	12.706.338.960
Tài sản dài hạn khác	12.706.338.960	(12.706.338.960)	-
Phải trả dài hạn khác	13.392.884.652	(13.392.884.652)	-
Dự phòng phải trả dài hạn	-	13.392.884.652	13.392.884.652
Quỹ đầu tư và phát triển	25.370.280.515	25.792.635.752	51.162.916.267
Quỹ dự phòng tài chính	25.792.635.752	(25.792.635.752)	-
			VNĐ
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (trình bày trước đây)</i>	<i>Phân loại lại</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (được phân loại lại)</i>
<b>BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ</b>			
Tiền chi cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	(286.000.000.000)	(700.000.000.000)	(986.000.000.000)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(1.200.671.178.339)	700.000.000.000	(500.671.178.339)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 29. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

### a. Chuyển nhượng mảng bánh kẹo

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng 79,92% vốn cổ phần tại KDBD cho Cadbury Enterprises Pte., Ltd. ("Cadbury") như đã được cổ đông chấp thuận và thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐBT ngày 1 tháng 12 năm 2014. Việc chuyển nhượng này làm giảm quyền sở hữu của Công ty trong KDBD từ 99,92% xuống còn 20%. Theo đó, Công ty không còn quyền kiểm soát đối với KDBD và ghi nhận khoản đầu tư vào KDBD như một khoản đầu tư vào công ty liên kết. Công ty cũng đồng thời mất quyền kiểm soát đối với Công ty TNHH MTV Kinh Đô Miền Bắc, một công ty con của KDBD.

### b. Sáp nhập Công ty Cổ phần Vinabico ("Vinabico")

Vào ngày 26 tháng 2 năm 2015, Vinabico đã được sáp nhập vào Công ty theo hợp đồng sáp nhập ngày 31 tháng 1 năm 2015 và Giấy CNĐKKD điều chỉnh lần thứ 19 ngày 26 tháng 2 năm 2015. Theo đó, toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Vinabico được chuyển giao cho Công ty. Công ty cũng đã ghi giảm giá trị khoản đầu tư của Công ty vào Vinabico tương ứng với số tiền 122.541.388.500 VNĐ.

### c. Mua lại cổ phiếu quỹ

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐBT ngày 1 tháng 12 năm 2014, các cổ đông của Công ty đã chấp thuận và thông qua kế hoạch mua lại cổ phiếu quỹ với mức lên đến 30% tổng lượng cổ phiếu mà Công ty đã phát hành, nhằm làm giảm số lượng cổ phiếu của Công ty đang lưu hành.

Ngày 9 tháng 1 năm 2015, Công ty đã hoàn thành việc mua thêm 7.024.048 cổ phiếu quỹ trị giá 347.657.251.200 VNĐ. Theo đó, Công ty đã mua 20.000.000 cổ phiếu quỹ với tổng trị giá là 1.000.857.239.200 VNĐ theo kế hoạch trên. Công ty cũng đã gửi Báo cáo về kết quả của việc mua lại cổ phiếu quỹ cho UBCKNN.

### d. Thay đổi tên Công ty

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên 2015 ngày 26 tháng 6 năm 2015, các cổ đông của Công ty đã chấp thuận việc thay đổi tên Công ty từ Công ty Cổ phần Kinh Đô thành Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO nhằm mục đích đạt được kết quả nổi bật từ định hướng chiến lược kinh doanh mới của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình hoàn thành Giấy CNĐKKD điều chỉnh từ Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cho việc thay đổi nêu trên.

### e. Thành lập công ty con – Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ KIDO

Vào ngày 25 tháng 3 năm 2015, Công ty đã nhận được Giấy CNĐKKD số 0313172800 từ Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp thuận thành lập một công ty con – Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ KIDO.

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ KIDO là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam với vốn điều lệ là 50.000.000.000 VNĐ. Hoạt động chính của công ty này là bán buôn thực phẩm và cung cấp dịch vụ ăn uống khác. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty chưa góp vốn vào công ty con này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ngoài các sự kiện được trình bày ở Thuyết minh số 5 và 17, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Trần Minh Nguyệt  
Người lập



Nguyễn Thị Oanh  
Kế toán trưởng



Trần Lệ Nguyên  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2015